|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Công nghệ thông tin** | **Mã số: 7480201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Đồ án 1** | **1.2. Tên tiếng Anh: Project 1** |
| **1.3. Mã học phần: TIDOA1.112** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian: [[1]](#footnote-1)** |  |
| **-** Lý thuyết: | 5 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 40 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Trần Văn Cường |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | TS. Hoàng Tuấn Nhã, TS. Hoàng Văn Thành, TS. Đậu Mạnh Hoàn |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Phân tích thiết kế hệ thống, Ngôn ngữ lập trình |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần đồ án 1 giúp sinh viên củng cố, mở rộng kiến thức đã học qua các học phần OOP, hệ quản trị CSDL, thiết kế và lập trình web, bằng cách phát triển một ứng dụng trên các nền tảng khác nhau: windows, web hoặc thiết bị di động.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Hiểu các kiến thức đã học

- Phân tích được hoạt động của một hệ thống nghiệp vụ.

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Vận dụng các kiến thức đã học để phát triển một ứng dụng.

- Rèn luyện kỹ năng lập trình MVC.

**2.2.3. Về thái độ**

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức nâng cao thêm kiến thức lập trình và phát triển một hệ thống hoàn chỉnh theo quy trình xây dựng phần mềm.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu các kiến thức cơ bản về lập trình |
| CLO2 | Hiểu các kiến thức về lập trình và các nền tảng phát triển |
| CLO3 | Vận dụng kiến thức để xây dựng một ứng dụng cụ thể |
| CLO4 | Thể hiện thái độ học tập chăm chỉ và có đạo đức nghề nghiệp trong lập trình. Hình thành nhận thức về giải quyết bài toán bằng phương pháp hướng đối tượng |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLOvà PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | R | R |  | R |  |  |  |  |  | R |
| CLO 2 | R | R | R | R | R | R | R | R | R | R |
| CLO 3 |  | M | R | M | M | R | M | M | R | R |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R |
| Tổng hợp học phần | R | M | R | M | M | R | M | M | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  |  | CLO4 | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1: Đề cương đồ án | 40% |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm |
| A2.2: Báo cáo hàng tuần | 60% |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Báo cáo đồ án |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Chấm theo Rubric 6 (tiểu luận) |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Thực hiện đảm bảo theo quy chế đào tạo hiện hành.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi** | **Các nội dung cơ bản** | **Số tiết** | **CĐR của bài học (chương)/chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá** |
| (1) | (2) |  | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
|  | Sinh viên tìm hiểu, thảo luận chọn chủ đề | 4 | Biết lựa chọn chủ đề nghiên cứu | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - Hướng dẫn gợi mở  - Sử dụng máy tính | Tìm kiếm chủ đề nghiên cứu | A2 |
|  | Thông qua đề cương | 4 | Hiểu được cách trình bày đề cương | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - Sinh viên báo cáo, giảng viên hướng dẫn gợi mở  - Sử dụng máy tính và projector | Hoàn thiện đề cương trước khi tới lớp | A2 |
|  | Phân tích thiết kế hệ thống và cài đặt | 32 | Phân tích thiết kế được một hệ thống CNTT  Cài đặt thành công và thử nghiệm phần mềm | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | Máy tính | Chuẩn bị: quy trình nghiệp vụ của hệ thống  - Hoạt động của sinh viên: thảo luận, xây dựng CSDL của hệ thống | A2 |
|  | Hoàn thiện báo cáo đồ án | 5 | Vận dụng kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học và kiến thức chuyên ngành hoàn thiện được báo cáo | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - Sinh viên báo cáo, giảng viên đánh giá và hướng dẫn  - Sử dụng máy tính và projector | Chuẩn bị: công nghệ, công cụ lập trình, CSDL  - Hoạt động của sinh viên: thảo luận, cài đặt, viết chương trình | A2 |
|  | Báo cáo |  |  |  | Máy tính, Máy chiếu | Báo cáo đồ án | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
|  | GV sẽ giới thiệu cho sinh viên khi triển khai môn học, phụ thuộc đề tài | | | |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
|  | GV sẽ giới thiệu cho sinh viên khi triển khai môn học, phụ thuộc đề tài | | | |

**8.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
|  | Phòng máy tính | Projector, máy tính cá nhân | 1 |  |

**9. Rubric (Phiếu đánh giá)**

Theo Phụ lục 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Trị, ngày 08 tháng 7 năm 2025*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Đậu Mạnh Hoàn** | **Trưởng bộ môn**  **TS. Hoàng Văn Thành** | **Người biên soạn**  G:\My Drive\Thanh\DHQB\1. Khoa - BM\Báo cáo tự đánh giá\2022 - TDG CTDT\1. Ban lam viec\Chữ ký Cường.jpg  **TS. Trần Văn Cường** | |
|  |

1. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. [↑](#footnote-ref-1)